

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 250/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/05/2023

V/v Tranh chấp Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN
GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bền

2. Ông Phùng Văn Long

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Mai Chi,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Trần Ngọc Hà-Kiểm sát viên**

Ngày 19 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 863/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2022 về “*Tranh chấp Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/04/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị H sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp Đ, xã K.S, Châu Thành, Tiền Giang

2. Bị đơn: Nguyễn Tấn M sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp Đ xã K.S, Châu Thành. Tiền Giang

(Chị H có mặt, Anh M vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H và anh M chung sống vợ chồng vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K.S vào năm 2006 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Do mâu thuẫn kéo dài mặc dù cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn đã ly thân từ năm 2022 đến nay nên Chị H xin Tòa án giải quyết ly hôn với anh M. Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim H sinh ngày 14/3/2006 và Nguyễn Thị Thanh T sinh ngày 19/8/2008. Khi ly hôn Chị H xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Tấn M vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa, không có ý kiến yêu cầu trình bày đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của Chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị H và anh M quen biết sau đó tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã K.S vào năm 2006. Anh chị chung sống hạnh phúc đến 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo Chị H trình bày là do Chị H và anh M thường xuyên bất đồng quan điểm. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh M là hôn nhân hợp pháp. Nay Chị H xin ly hôn với anh M nên được xem xét giải quyết theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị H:

Tại phiên tòa, Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh M lý do giữa Chị H và anh M phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2019, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm, giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn, đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Anh M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án từ giai đoạn hòa giải cho đến khi xét xử đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của Chị H chứng tỏ anh M không còn tình cảm và không quan tâm đến Chị H, cũng không có ý kiến hay biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với Chị H. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa Chị H và anh M đã có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 và đã đến mức trầm trọng, hiện anh chị đã ly thân từ 2022 đến nay, do đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa Chị H và anh M là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, nên xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị H theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị H và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim H sinh ngày 14/3/2006 và Nguyễn Thị Thanh T sinh ngày 19/8/2008. Khi ly hôn Chị H xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi ly thân cho tới nay, cháu Hòa và cháu Trúc sống với Chị H được chăm sóc chu đáo, đồng thời Chị H cũng có nghề nghiệp ổn định, Chị H xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cũng phù hợp nguyện vọng của hai cháu T và cháu H là muốn ở với mẹ, do đó cần giao hai con chung cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo điều kiện cho các cháu phát triển toàn diện về tinh thần và thể chất và không làm ảnh hưởng cuộc sống ổn định của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về

tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:**

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị H, cho Chị H ly hôn với anh M, về con chung đề nghị giao hai con chung cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết do không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H: cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn M

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim H sinh ngày 14/3/2006 và Nguyễn Thị Thanh T sinh ngày 19/8/2008 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị H đã nộp theo biên lai số 0021261 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như Chị H đã nộp xong án phí.

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Tường

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- UBND xã , Châu Thành
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.